

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-01-2025

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1973; ĐKKHKT: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Số ...B ngõ ..., đường H, phường P, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng V**, sinh năm 1969; ĐKKHKT và hiện trú tại: Thôn P, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Bà H, ông V đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng V kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương) ngày 07/9/1992. Tại giấy kết hôn bản gốc, ghi Nguyễn Thị H, quê quán thôn Q, xã M là sai họ của bà và nơi cư trú của ông bà, vì bố bà họ Trần nên căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân của bà sau này đều là Trần Thị H và ông bà đều cư trú: thôn P chứ không phải thôn Q. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 03 năm thì ra ở riêng, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, bên cạnh đó thì ông V có lối sống không chung thủy, không tu chí làm ăn mà thương

xuên cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần nhiều. Mỗi khi cờ bạc bị thua, ông hay về chửi bới, xúc phạm, đánh bà. Vì thương các con còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn bỏ qua, nhưng càng ngày mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2023 bà đã lên TP Hải Nội đi làm giúp việc, thỉnh thoảng về qua nhà rồi lại đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, công việc của ai người ấy làm, kinh tế của ai người ấy lo, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- *Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn ông Nguyễn Hồng V trình bày:*

+ Về hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như bà H đã trình bày. Tờ giấy đăng ký kết hôn ghi tên họ bà H là Nguyễn Thị H và ghi quê quán của ông và bà H là thôn Q, xã M, trong khi bà H họ Trần và quê quán của ông bà đều ở Thôn P, xã M, đây là sai sót của cán bộ xã khi đăng ký kết hôn cho vợ chồng ông, vợ chồng ông cũng không kiểm tra lại. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống ở địa phương và có xảy ra xô xát. Nguyên nhân là do bà H đi làm tự do ở TP Hà Nội về thì lạnh nhạt với ông và còn nói những lời khó nghe như “Tôi thích sống tự do, tôi ngủ với ai không liên quan đến ông”. Từ đó ông cho rằng bà H có quan hệ không lành mạnh nên mới muốn ly hôn ông, ông có khuyên bảo và nhờ mẹ, gia đình khuyên giải nhiều vì các con nhưng bà H không nghe. Đến nay, ông xác định quan hệ tình cảm giữa ông và bà H không thể tiếp tục được nữa, bà H xin ly hôn ông nhất trí nhưng ông không đến Tòa án để làm việc.

+ Về con chung: Bà H, ông V đều thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thu T, sinh năm 1993 và Nguyễn Việt H, sinh năm 2005, đều đã trưởng thành nên ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông V đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng để ông bà tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã M và đại diện các đoàn thể và trưởng thôn P đều được cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như các đương sự đã trình bày. Trong giấy kết hôn ghi họ bà H là Nguyễn Thị H và quê quán của ông bà: thôn Q, xã M là sai họ của bà H và không đúng địa chỉ cư trú. Nguyên nhân là do cán bộ tư pháp hộ tịch không kiểm tra kỹ, đối chiếu với các giấy tờ tùy thân. Vì bố bà H là họ Trần, các giấy tờ tùy thân của bà H sau này cũng đều là họ Trần, nơi cư trú của ông bà đều ở Thôn P, xã M. Mặc dù có sai sót về họ của bà H, không đúng thôn so với các giấy tờ tùy thân, nhưng đều là một người và ông bà là người đã được UBND xã M đăng ký kết hôn ngày 07/9/1992 và có quá trình chung sống vợ chồng với nhau. Quá trình chung sống ở địa phương, ông V, bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V cờ bạc, rượu chè nên vợ chồng nhiều lần xảy ra đánh cãi chửi nhau, có lần chính quyền phải can thiệp. Vì mâu thuẫn căng thẳng, nên bà H đi làm tự do ở TP Hà Nội, từ tháng 5/2024, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng có 01

con chung như các đương sự đã trình bày là đúng và hiện con chung đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông V, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Ông V có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị H (tức Nguyễn Thị H) được ly hôn ông Nguyễn Hồng V. Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H (tức Nguyễn Thị H) và ông Nguyễn Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông V.

[2] Về hôn nhân: Về họ của bà H và quê quán của ông bà trong giấy đăng ký kết hôn là có mâu thuẫn so với các giấy tờ tùy thân, tuy nhiên các đương sự và chính quyền địa phương đều khẳng định bà Nguyễn Thị H và quê quán của ông bà trên giấy đăng ký kết hôn và bà Trần Thị H, sinh năm 1973 và địa chỉ nơi cư trú của ông bà trên căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác đều là một người, ông bà đã được UBND xã M, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn ngày 07/9/1992. Trước khi kết hôn, ông bà được tự do tìm hiểu, tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau. Theo bà H xác định, ông V là người hay rượu chè, cờ bạc và có lối sống không chung thủy, đã nhiều lần đánh chửi, xúc phạm bà và gia đình; còn theo ông V xác định bà H tự bỏ đi làm ăn, không quan tâm gì đến ông và gia đình, khi về thì lạnh nhạt và có những câu nói khó nghe, thách thức nên ông nghĩ bà H có quan hệ không chung thủy. Từ tháng 05/2024 ông bà ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Lời khai của bà H phù hợp với lời khai của ông V, phù hợp với biên bản xác minh, làm việc giữa Tòa án với trưởng thôn P và đại diện các đoàn thể xã M. Thực tế từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông V cũng không có giải pháp nào dàn xếp chuyện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ, khi bà H xin ly hôn ông cũng nhất trí nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải điều đó chứng tỏ ông V cũng không có nguyên

vọng đoàn tụ nữa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà H được ly hôn với ông V là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thu T, sinh năm 1993 và Nguyễn Việt H, sinh năm 2005, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực, trí lực nên Tòa án không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Cả bà H, ông V đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng để ông bà tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này không thỏa thuận được và có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị H (tức Nguyễn Thị H) được ly hôn ông Nguyễn Hồng V.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0005725 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã M (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân